

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-PT
Ngày 11-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Đ.D.K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: **Đ.D.K**, sinh năm 1966 tại tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội); nơi cư trú: Số xxx, ấp P, xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ.V.N (chết) và bà P.T.K (chết); vợ: G.T.N.H, sinh năm 1963; con: có 01 người con sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Ông Đ.V.N, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số xxx/xx, ấp L, xã L, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/12/2019, bà G.T.N.H ủy quyền cho ông Đ.V.N thay mặt tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre để giải quyết vụ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà G.T.N.H (bị đơn) với vợ chồng bà N.T.T và ông

P.H.M (nguyên đơn). Ngày 11/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử vụ án tuyên bị đơn bà G.T.N.H thua kiện. Đến ngày 16/10/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc giao quyết định thi hành án, lúc này bà G.T.N.H nói với chồng là Đ.D.K tìm ông Đ.V.N để hỏi thông tin vụ việc. Gặp ông Đ.V.N, Đ.D.K nói ông Đ.V.N đến gặp bà G.T.N.H để giải quyết việc vụ án trên nhưng ông Đ.V.N không đến. Đến khoảng 10 giờ ngày 06/11/2020, Đ.D.K đến điểm giao dịch Văn phòng luật sư T.V.T thuộc ấp P, xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nơi ông Đ.V.N làm việc gặp ông Đ.V.N, tại đây Đ.D.K yêu cầu ông Đ.V.N xuống nhà gặp bà G.T.N.H để thông báo cho bà G.T.N.H kết quả xét xử vụ tranh chấp dân sự mà ông Đ.V.N đã đại diện tham gia tố tụng, ông Đ.V.N trả lời “vụ việc đó xong rồi, ông có đi tới Hà Nội cũng vậy thôi, đừng làm gì nữa...”, ngay lập tức Đ.D.K dùng tay phải đánh vào mặt ông Đ.V.N 01 cái, dùng chân trái đá vào vai ông Đ.V.N 01 cái, hậu quả ông Đ.V.N bị thương vùng mũi được đưa đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre điều trị thương tích.

Vật chứng: thu tại hiện trường 01 máy tính xách tay hiệu ASUS màu xám, model Vivo Book ASUS Laptop X531FL S531FL, thuộc sở hữu của ông Đ.V.N, đang tạm giữ.

* Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 22/21/TgT ngày 01/02/2021 của Phân Viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo kích thước nhỏ vùng mũi trái.
- Gãy xương mũi hai bên.

2. Kết luận:

2.1. Tỷ lệ tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Đ.V.N là:

- Sẹo kích thước nhỏ vùng mũi trái: 03%.
- Gãy xương mũi hai bên: 09%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Đ.V.N là 12%.

2.2. Các thương tích vùng mũi của nạn nhân Đ.V.N là do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên.

2.3. Không đủ cơ sở khoa học để xác định vết thương ở vùng mũi của nạn nhân Đ.V.N có gây mất mùi hay không.

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số 221/KL-HĐĐG ngày 17/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mỏ Cày Bắc kết luận:

- 01 máy vi tính xách tay nhãn hiệu ASUS, model Vivo Book ASUS Laptop X531FL S531FL, giá 10.500.000 đồng.

- Qua kiểm tra thực tế Hội đồng định giá không phát hiện hư hỏng, bể, máy

vẫn hoạt động bình thường.

Trong quá trình điều tra, Đ.D.K khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được, thái độ thành khẩn khai báo, tự nguyện giao nộp số tiền 17.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HS-ST ngày 20-10-2021 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đ.D.K phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đ.D.K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 29/10/2021, bị cáo Đ.D.K kháng cáo cho rằng phạm tội không có tính chất côn đồ và yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông Đ.V.N khai nhận có giao Bản án dân sự về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà G.T.N.H với vợ chồng bà Tuyết cho bị cáo Đ.D.K nhưng bị cáo Đ.D.K không nhận, ông có đến nhà bà G.T.N.H nhưng không gặp bà G.T.N.H nên không giao Bản án dân sự cho bà G.T.N.H được, ông có điện thoại báo kết quả xét xử vụ án dân sự cho bà G.T.N.H. Ông bị bị cáo Đ.D.K dùng tay đánh, dùng chân đá gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho ông là 12%.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đ.D.K phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ.D.K 01 năm tù là tương xứng; kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ.D.K 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo tranh luận: bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ.

- Ông Đ.V.N tranh luận: yêu cầu Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người có liên quan đến kháng cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 10 giờ ngày 06/11/2020, tại ấp P, xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, bị cáo Đ.D.K đã có hành vi dùng tay phải đánh trúng vùng mũi và dùng chân đá trúng vùng vai của ông Đ.V.N gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho ông Đ.V.N là 12%.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi dùng tay đánh, dùng chân đá vào người bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 12%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân phạm tội và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đ.D.K phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Đ.D.K cho rằng phạm tội không có tính chất côn đồ và yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định với động cơ và mục đích không chính đáng, mâu thuẫn không đáng có, bị cáo đã dùng tay đánh, dùng chân đá gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho ông Đ.V.N là 12%. Từ trước đến khi xảy ra vụ án thì giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn, bị hại có hợp đồng nhận ủy quyền thay mặt vợ bị cáo tham gia tố tụng tại Tòa án trong vụ án dân sự nhưng không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị cáo, bị cáo đã tấn công gây thương tích cho bị hại chỉ vì nguyên cớ nhỏ, thể hiện tính chất côn đồ của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo đã tự nguyện *bồi thường thiệt hại* cho bị

hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *có cha là người có công với đất nước được tặng thưởng Huân, Huy chương, có bác ruột là liệt sĩ* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đã áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Vào ngày 16/12/2019, vợ của bị cáo Đ.D.K là bà G.T.N.H có làm hợp đồng “Giấy ủy quyền” cho ông Đ.V.N thay mặt tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre để giải quyết vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà G.T.N.H là bị đơn với vợ chồng bà N.T.T và ông P.H.M là nguyên đơn. Trên phần đất tranh chấp này có 01 ngôi nhà thuộc sở hữu chung của bị cáo Đ.D.K với bà G.T.N.H. Ủy ban nhân dân xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng đã xác nhận bị cáo Đ.D.K với bà G.T.N.H đã sinh sống liên tục trong ngôi nhà này từ năm 2002 cho đến nay; trong quá trình chung sống, vào năm 2005 bị cáo Đ.D.K và bà G.T.N.H có cùng nhau tu bổ, sửa chữa ngôi nhà. “Giấy ủy quyền” đề ngày 16/12/2019 do bà G.T.N.H ủy quyền cho ông Đ.V.N thể hiện về nội dung ủy quyền: “bằng văn bản này, anh Đ.V.N có quyền thay mặt tôi tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nếu có) là bị đơn trong vụ kiện “tranh chấp quyền sử dụng đất” với bà N.T.T và ông P.H.M. Những ý kiến, quyết định của anh Nhân trong quá trình giải quyết vụ việc trên cũng là ý kiến, quyết định của tôi”; về thời gian ủy quyền: “cho đến khi vụ việc trên được giải quyết xong”. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm, bà G.T.N.H cho rằng bà ủy quyền cho ông Đ.V.N thay mặt bà trình bày nội dung ra Tòa án vì lợi ích của bà, khi có vấn đề liên quan thì ông Đ.V.N phải nói cho bà biết để bà giải quyết, nhưng trong vụ án dân sự này ông Đ.V.N không hề thông báo, trao đổi gì với bà từ lúc bà ủy quyền đến khi bà nhận được Quyết định thi hành án (bút lục số 435); sau khi giải quyết vụ án, ông Đ.V.N không thông báo kết quả cho bà, bà chỉ biết thua kiện khi nhận được Quyết định thi hành án (bút lục số 513); nếu bà biết được kết quả xét xử thua thì bà đã tiếp tục kháng cáo để xét xử phúc thẩm (bút lục số 435); bà bức xúc vì bị xử thua lại mất quyền kháng cáo (bút lục số 436). Trong giai đoạn sơ thẩm, ông Đ.V.N thừa nhận có đến nhà bà G.T.N.H nhưng không gặp bà G.T.N.H nên không giao Bản án được, cho đến nay ông vẫn chưa giao được Bản án cho bà G.T.N.H (bút lục số 514); tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ.V.N cũng thừa nhận việc này. Bị cáo Đ.D.K trình bày, trước đây vợ bị cáo là bà G.T.N.H ủy quyền cho ông Đ.V.N tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ

Cày Bắc, tỉnh Bến Tre để giải quyết vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất với vợ chồng bà N.T.T và P.H.M. Đến ngày 16/10/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc giao cho bà G.T.N.H Quyết định thi hành án đối với Bản án số: 33/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Bà G.T.N.H nói với bị cáo tìm ông Đ.V.N để hỏi thông tin vụ việc; gặp ông Đ.V.N, bị cáo nói ông Đ.V.N đến gặp bà G.T.N.H để giải quyết vụ án trên nhưng ông Đ.V.N không đến. Đến khoảng 10 giờ ngày 06/11/2020; bị cáo đến điểm giao dịch Văn phòng luật sư T.V.T gặp ông Đ.V.N, bị cáo kêu ông Đ.V.N đến nhà gặp bà G.T.N.H để thông báo kết quả xét xử vụ án dân sự mà ông Đ.V.N đã đại diện tham gia tố tụng, ông Đ.V.N không đồng ý và trả lời với bị cáo: “vụ việc đó xong rồi, ông có đi tới Hà Nội cũng vậy thôi, đừng làm gì nữa...”, vì nóng giận trước sự vô trách nhiệm của ông Đ.V.N nên bị cáo dùng tay phải đánh vào mặt ông Đ.V.N 01 cái, dùng chân đá vào vai ông Đ.V.N 01 cái, đã gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho ông Đ.V.N là 12%. Xét thấy; việc ông Đ.V.N không giao Bản án số: 33/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc cho bà G.T.N.H, không thông báo cho bà G.T.N.H biết kết quả xét xử vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà G.T.N.H với vợ chồng bà Tuyết là đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo “Giấy ủy quyền” đề ngày 16/12/2019; bởi lẽ khi bà G.T.N.H không biết được thông tin về thời gian, kết quả xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất thì không thể thực hiện quyền kháng cáo Bản án dân sự theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, trong khi về nội dung ủy quyền thì ông Đ.V.N thay mặt bà G.T.N.H tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nếu có), và thời gian ủy quyền cho đến khi vụ việc trên được giải quyết xong. Việc ông Đ.V.N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo “Giấy ủy quyền” đề ngày 16/12/2019 đã gây thiệt hại trực tiếp cho bà G.T.N.H đó là quyền kháng cáo Bản án dân sự theo thủ tục phúc thẩm, đồng thời cũng đã gây thiệt hại về tài sản thuộc sở hữu chung của bị cáo với bà G.T.N.H trên phần đất tranh chấp đó; điều đó đã gây bức xúc cho bà G.T.N.H và bị cáo, nên bị cáo đã nhiều lần tìm ông Đ.V.N yêu cầu ông Đ.V.N gặp bà G.T.N.H để thông báo về kết quả xét xử vụ án dân sự nêu trên, nhưng khi bị cáo gặp ông Đ.V.N thì ông Đ.V.N nói “vụ này đi Hà Nội cũng thua vì đất của người ta rồi” (bút lục số 203), đã làm cho bị cáo càng thêm tức giận, do không kiểm chế được nên bị cáo đã gây thương tích cho ông Đ.V.N. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ lỗi của bị hại do bị hại đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo “Giấy ủy quyền” đề ngày 16/12/2019, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo không có tính chất côn đồ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ.D.K về “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết

định khung tăng nặng “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là chưa đủ căn cứ pháp luật. Xét thấy Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số: 17/KLĐT ngày 15/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị truy tố Đ.D.K về “Tội cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo Đ.D.K về “Tội cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy bị cáo Đ.D.K phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, bị cáo phạm tội xuất phát từ nguyên nhân bị hại có lỗi; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo *phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*, đây là tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo luật định cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Đ.D.K; sửa Bản án sơ thẩm số: 23/2021/HS-ST ngày 20-10-2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đ.D.K 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 11/01/2022;

Giao bị cáo Đ.D.K cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cùng gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Đ.D.K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc (3b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Công an huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- UBND xã P, h. Mô Cày Bắc (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tôn Văn Thông